

Số: 73110/CT-TTHT
V/v thủ tục lệ phí môn bài với địa
điểm kinh doanh khác tỉnh

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2019

Kính gửi: Công ty TNHH Công nghiệp Kongo Việt Nam
Địa chỉ: Khu công nghiệp Tiên Sơn, Phường Đồng Nguyên, Thị xã Từ Sơn,
tỉnh Bắc Ninh - MST: 0107408793

Trả lời công văn số 04/2019/CV-KIV ngày 25/7/2019 của Công ty TNHH Công nghiệp Kongo Việt Nam (sau đây gọi là Công ty) về việc hướng dẫn thủ tục lệ phí môn bài với địa điểm kinh doanh khác tỉnh, sau khi báo cáo Tổng cục Thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ hướng dẫn tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ quy định về đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh:

“2. Thông báo lập địa điểm kinh doanh:

Địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định lập địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi thông báo lập địa điểm kinh doanh đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt địa điểm kinh doanh. Nội dung thông báo gồm:

- a) Mã số doanh nghiệp;*
- b) Tên và địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc tên và địa chỉ chi nhánh (trường hợp địa điểm kinh doanh được đặt tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi chi nhánh đặt trụ sở);*
- c) Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh;*
- d) Lĩnh vực hoạt động của địa điểm kinh doanh;*
- đ) Họ, tên, nơi cư trú, số Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác quy định tại Điều 10 Nghị định này của người đứng đầu địa điểm kinh doanh;*
- e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp hoặc họ, tên, chữ ký của người đứng đầu chi nhánh đối với trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh”.*

- Căn cứ Khoản 6 Điều 8 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ quy định về mã số địa điểm kinh doanh quy định:



“6. Mã số của địa điểm kinh doanh là mã số gồm 5 chữ số được cấp theo số thứ tự từ 00001 đến 99999. Mã số này không phải là mã số thuế của địa điểm kinh doanh.”

- Căn cứ Nghị định 139/2016/NĐ-CP ngày 04/10/2016 của chính phủ về lệ phí môn bài:

÷ Tại Khoản 1, Khoản 6 Điều 2 quy định người nộp lệ phí môn bài:

“Người nộp lệ phí môn bài là tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, trừ trường hợp quy định tại Điều 3 Nghị định này, bao gồm:

1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.

...

6. Chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của các tổ chức quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này (nếu có).

...”

÷ Tại Khoản 1 Điều 5 quy định khai, nộp lệ phí môn bài:

“1. Khai lệ phí môn bài được thực hiện như sau:

a) Khai lệ phí môn bài một lần khi người nộp lệ phí mới ra hoạt động kinh doanh, chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh;

b) Trường hợp người nộp lệ phí mới thành lập cơ sở kinh doanh nhưng chưa hoạt động sản xuất kinh doanh thì phải khai lệ phí môn bài trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đăng ký thuế.”

- Căn cứ Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 302/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính về lệ phí môn bài:

“1. Khai, nộp lệ phí môn bài đối với tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.

a) Khai lệ phí môn bài

...

a.2) Trường hợp người nộp lệ phí có đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) kinh doanh ở cùng địa phương cấp tỉnh thì người nộp lệ phí thực hiện nộp Hồ sơ khai lệ phí môn bài của các đơn vị phụ thuộc đó cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của người nộp lệ phí;

a.2) Trường hợp người nộp lệ phí có đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) kinh doanh ở khác địa phương cấp tỉnh



nơi người nộp lệ phí có trụ sở chính thì đơn vị phụ thuộc thực hiện nộp Hồ sơ khai lệ phí môn bài của đơn vị phụ thuộc cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc.

a.3) Trường hợp người nộp lệ phí mới thành lập cơ sở kinh doanh nhưng chưa hoạt động sản xuất kinh doanh thì phải khai lệ phí môn bài trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và đăng ký thuế hoặc ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; ngày ban hành văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư.”

- Căn cứ hướng dẫn tại Điểm c Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định về khai thuế GTGT:

“c) Trường hợp người nộp thuế có đơn vị trực thuộc kinh doanh ở địa phương cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính thì đơn vị trực thuộc nộp hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp của đơn vị trực thuộc; nếu đơn vị trực thuộc không trực tiếp bán hàng, không phát sinh doanh thu thì thực hiện khai thuế tập trung tại trụ sở chính của người nộp thuế.

..”

- Căn cứ hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013 /NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế GTGT;

- Căn cứ hướng dẫn tại Điều 5; Điều 7 Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính về đăng ký thuế;

- Căn cứ hướng dẫn tại Điều 5, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/1/2014 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ; Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 37/2017/TT-BTC ngày 27/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 9 Thông tư số 39/2014/TT-BTC.

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty TNHH Công nghiệp Kongo Việt Nam có trụ sở tại Bắc Ninh, có mở địa điểm kinh doanh tại Hà Nội theo



Quyết định số 108/2018/NĐ-CP (không thành lập chi nhánh tại Hà Nội), địa điểm kinh doanh không có mã số riêng thì:

- Về đăng ký thuế cho địa điểm kinh doanh: Công ty gửi hồ sơ đăng ký thuế tới cơ quan Thuế được giao nhiệm vụ quản lý thuế đối với địa điểm kinh doanh của Công ty (Cục Thuế TP Hà Nội) để Cơ quan Thuế cấp mã số thuế 13 số cho địa điểm kinh doanh.

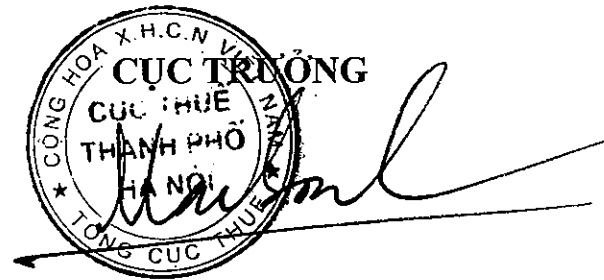
- Về lệ phí môn bài: Sau khi địa điểm kinh doanh được cấp mã số thuế 13 số, đơn vị chủ quản của địa điểm kinh doanh sử dụng mã số thuế 13 số này để kê khai, nộp thuế môn bài theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 302/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

(Cục Thuế TP Hà Nội gửi kèm bản photo công văn số 3431/TCT-KK ngày 28/8/2019; Công văn số 3200/TCT-KT ngày 12/8/2019; công văn số 3302/TCT-KK ngày 20/8/2019 của Tổng cục Thuế để Công ty nghiên cứu, thực hiện)

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời đề Công ty TNHH Công nghiệp Kongo Việt Nam được biết và thực hiện. //

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TKT1;
- Phòng DTPC;
- Lưu: VT, TTHT(2). (6; 3)



Mai Sơn

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *3431*/TCT-KK
V/v quản lý thuế đối với địa
điểm kinh doanh của DN khác
tỉnh với đơn vị chủ quản

Hà Nội, ngày *28* tháng 08 năm 2019

- Cục Thuế thành phố Hà Nội;
- Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thuế thành phố Đà Nẵng;
- Cục Thuế tỉnh Nghệ An;
- Cục Thuế tỉnh Vĩnh Long;
- Cục Thuế tỉnh Hậu Giang.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 55953/CT-TTHT ngày 17/7/2019 của Cục Thuế thành phố Hà Nội; công văn số 3169/CT-TTHT ngày 04/4/2019, công văn số 8562/CT-TTHT ngày 13/8/2019 của Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh; công văn số 1966/CT-TTHT ngày 10/6/2019 của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng; công văn số 4110/CT-THNVDT ngày 16/11/2018 và công văn số 2230/CT-THNVDT ngày 20/6/2019 của Cục Thuế tỉnh Nghệ An, Công văn số 313/CT-TTHT ngày 09/5/2019 của Cục Thuế tỉnh Vĩnh Long; Công văn số 840/CT-TTHT ngày 22/5/2019 của Cục Thuế tỉnh Hậu Giang phản ánh vướng mắc liên quan đến quản lý thuế đối với địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương với nơi đơn vị chủ quản của địa điểm kinh doanh đóng trụ sở. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Tổng cục Thuế đã có công văn số 3200/TCT-KK ngày 12/8/2019 hướng dẫn thực hiện quản lý thuế đối với địa điểm kinh doanh của DN khác tỉnh với đơn vị chủ quản gửi Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và công văn số 3302/TCT-KK ngày 20/8/2019 hướng dẫn kê khai, nộp các loại thuế, lệ phí môn bài của địa điểm kinh doanh.

Tổng cục Thuế thông báo để các Cục Thuế được biết và hướng dẫn người nộp thuế và các Chi cục Thuế trên địa bàn thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó TCT Phi Văn Tuấn (để báo cáo);
- Lưu: VT, KK(4b). *ll*

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KÊ KHAI VÀ KẾ TOÁN THUẾ**



Lê Thị Duyên Hải

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3200 /TCT-KK
V/v quản lý thuế đối với địa
điểm kinh doanh của DN khác
tính với đơn vị chủ quản

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Kính gửi: Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngày 23/8/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 108/2018/NĐ-CP quy định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/10/2018, theo hướng doanh nghiệp được quyền thành lập địa điểm kinh doanh tại tỉnh, thành phố khác với nơi doanh nghiệp đóng trụ sở nhưng không thành lập chi nhánh.

Căn cứ hướng dẫn tại Điểm c, Điểm d Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Căn cứ hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 37/2017/TT-BTC ngày 27/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 9 Thông tư số 39//2014/TT-BTC;

Căn cứ hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính về đăng ký thuế;

Căn cứ hướng dẫn tại Quyết định số 2845/QĐ-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về phân công cơ quan thuế quản lý.

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp doanh nghiệp hoặc chi nhánh của doanh nghiệp thành lập địa điểm kinh doanh tại địa phương cấp tỉnh khác với địa phương cấp tỉnh nơi doanh nghiệp, hoặc nơi chi nhánh của doanh nghiệp (trường hợp chi nhánh được giao quản lý địa điểm kinh doanh, có thực hiện khai

thuế, nộp thuế riêng với cơ quan thuế quản lý trực tiếp chi nhánh) đóng trụ sở. Hiện nay, Tổng cục Thuế đang báo cáo Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2016/TT-BTC. Trong quá trình chờ Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2016/TT-BTC được ban hành, Tổng cục Thuế đề nghị các Cục Thuế triển khai thực hiện các nội dung để quản lý thuế đối với địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp như sau:

1. Về phân công cơ quan thuế quản lý:

Căn cứ nhiệm vụ thu ngân sách và tình hình quản lý thuế trên địa bàn, Cục Thuế thực hiện phân công cơ quan thuế quản lý thuế đối với các địa điểm kinh doanh trên cơ sở thông tin đăng ký của địa điểm kinh doanh tại Danh sách địa điểm kinh doanh có doanh nghiệp, hoặc chi nhánh của doanh nghiệp (là đơn vị chủ quản của địa điểm kinh doanh) đóng trụ sở tại địa phương cấp tỉnh khác trên hệ thống TMS và thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế được phân công quản lý thuế biết.

2. Về đăng ký thuế:

Cơ quan thuế được giao nhiệm vụ quản lý thuế đối với địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp căn cứ thông tin tại Danh sách địa điểm kinh doanh đã được Cục Thuế phân công quản lý thuế trên địa bàn, thực hiện đăng ký thuế để cấp mã số thuế 13 số cho địa điểm kinh doanh, gửi thông báo mã số thuế (mẫu số 11-MST) cho đơn vị chủ quản của địa điểm kinh doanh và địa điểm kinh doanh biết để kê khai, nộp thuế cho địa điểm kinh doanh. Mã số thuế 13 số của địa điểm kinh doanh không thực hiện liên thông với cơ quan đăng ký kinh doanh.

Khi địa điểm kinh doanh có thay đổi thông tin đăng ký, tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hoạt động theo thông tin cơ quan đăng ký kinh doanh truyền sang, cơ quan thuế được phân công quản lý thuế căn cứ thông tin tại Danh sách địa điểm kinh doanh đã được Cục Thuế phân công quản lý thuế trên địa bàn cập nhật thông tin đăng ký của mã số thuế 13 số của địa điểm kinh doanh tương ứng vào hệ thống TMS để thực hiện quản lý thuế theo quy định.

3. Về thông báo phát hành hóa đơn:

Đơn vị chủ quản của địa điểm kinh doanh sử dụng chung mẫu hóa đơn của đơn vị chủ quản cho từng địa điểm kinh doanh, gửi Thông báo phát hành hóa đơn của từng địa điểm kinh doanh cho cơ quan thuế được phân công quản lý thuế địa điểm kinh doanh.

4. Về kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng:

Cơ quan thuế được phân công quản lý thuế đối với địa điểm kinh doanh hướng dẫn đơn vị chủ quản của địa điểm kinh doanh sử dụng mã số thuế 13 số



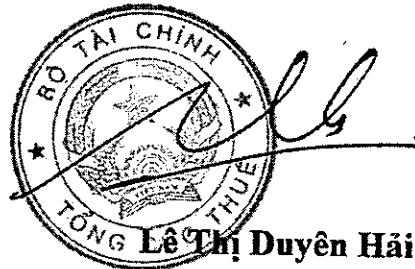
của địa điểm kinh doanh để kê khai, nộp thuế phát sinh cho từng địa điểm kinh doanh khác tỉnh với nơi đơn vị chủ quản đóng trụ sở với cơ quan thuế quản lý trực tiếp địa điểm kinh doanh theo quy định tại Điểm c, Điểm d Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC và Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 219/2013/TT-BTC được sửa đổi tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 119/2014/TT-BTC nêu trên kể từ thời điểm ban hành Công văn này.

Tổng cục Thuế thông báo để Cục Thuế các tỉnh, thành phố được biết và hướng dẫn người nộp thuế và các Chi cục Thuế trên địa bàn thực hiện. Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, đề nghị các Cục Thuế phản ánh về Tổng cục Thuế (qua Vụ Kê khai và Kế toán thuế) để nghiên cứu, hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó TCT Phi Văn Tuấn (để báo cáo);
- PC, CS, DNL, DNNCN, TTKT, QLN, CNTT;
- Website TCT;
- Lưu: VT, KK(4b). 78

**TL. TÔNG CỤC TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KÊ KHAI VÀ KẾ TOÁN THUẾ**



**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0302/TCT-KK

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2019

V/v kê khai lệ phí môn bài đối với địa
điểm kinh doanh khác tỉnh với trụ sở
chính của đơn vị chủ quản

Kính gửi: Cục Thuế Thành phố Hà Nội

Tổng cục Thuế nhận được 57084/CT-TTHT ngày 22/7/2019 của Cục Thuế TP Hà Nội về hướng dẫn khai lệ phí môn bài đối với địa điểm kinh doanh khác tỉnh. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ các quy định tại:

- Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ quy định về đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh;

- Khoản 6 Điều 8 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ quy định về mã số địa điểm kinh doanh;

- Khoản 1, Khoản 6 Điều 2 và Khoản 1 Điều 5 Nghị định 139/2016/NĐ-CP ngày 04/10/2016 của Chính phủ về lệ phí môn bài;

- Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 302/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính về lệ phí môn bài;

- Ngày 12/8/2019, Tổng cục Thuế đã có công văn số 3200/TCT-KK về việc quản lý thuế đối với địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp khác tỉnh với đơn vị chủ quản.

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp địa điểm kinh doanh khác tỉnh với trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc chi nhánh (đơn vị chủ quản của địa điểm kinh doanh) thì Cục Thuế thực hiện cấp mã số thuế 13 số cho địa điểm kinh doanh theo hướng dẫn tại điểm 2 công văn số 3200/TCT-KK ngày 12/8/2019 của Tổng cục Thuế. Sau khi địa điểm kinh doanh được cấp mã số thuế 13 số, đơn vị chủ quản của địa điểm kinh doanh sử dụng mã số thuế 13 số này để kê khai, nộp lệ phí môn bài theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 302/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Tổng cục Thuế thông báo để Cục Thuế Thành phố Hà Nội biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó TCTr Phi Văn Tuấn (để b/c);
- Website TCT;
- Lưu: VT, KK_{3b}.

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KÊ KHAI VÀ KẾ TOÁN THUẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG**

